***NGUYỄN THỊ LAN \****

***Tóm tắt:*** *Bài viết phân tích và đánh giá những nội dung cơ bản của Luật Nuôi con nuôi năm 2010, bao gồm: quy định chung, điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi. Trong mỗi nội dung, bài viết chỉ ra những điểm vướng mắc, bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung; từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi nhằm đảm bảo việc nuôi con nuôi đạt được đúng mục đích, đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi, đặc biệt là trẻ em.*

*Từ khoá:* *Nuôi con nuôi, điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả pháp lí nuôi con nuôi, chấm dứt nuôi con nuôi*

*Nhận bài: 05/3/2022 Hoàn thành biên tập: 28/9/2022 Duyệt đăng: 28/9/2022*

LAW ON ADOPTION 2010 - LIMITATIONS, INADEQUACIES AND DIRECTIONS FOR IMPROVEMENT

***Abstract:*** *The article focuses on analyzing and evaluating the basic contents of the Law on Adoption 2010, including: general provisions, adoption conditions, legal consequences of adoption, termination of adoption. In each content, there are some problems and inadequacies that need to be amended and supplemented; thereby, the article makes recommendations to improve the law on adoption to ensure that adoption is for the right purposes, and ensures the rights and interests of the subjects in the adoption relationship, especially children.*

*Keywords:* *Adoption, adoption conditions, legal consequences of adoption, termination of adoption.*

*Received: Mar 5th, 2022; Editing completed: Sept 28th, 2022; Accepted for publication: Sept 28th, 2022*

L

uật Nuôi con nuôi năm 2010 đã được ban hành và có hiệu lực thi hành được 12 năm, thể hiện khả năng điều chỉnh việc nuôi con nuôi trên thực tế đời sống xã hội tương đối phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đã bộc lộ những điểm bất cập và hạn chế nhất định. Việc nghiên cứu, phát hiện những điểm bất hợp lí của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi là cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

**1. Về khái niệm**

Trong phần giải thích từ ngữ, Điều 3 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đã ra một số thuật ngữ xung quanh vấn đề nuôi con nuôi như “nuôi con nuôi”, “cha mẹ nuôi”, “con nuôi”, “gia đình gốc”, “gia đình thay thế”. Việc giải thích từ ngữ này là tương đối ngắn gọn và dễ hiểu. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội hiện nay, cần sửa đổi một số khái niệm cho phù hợp và giúp nhận diện rõ hơn về bản chất của các thuật ngữ đó. *Thứ nhất,* về khái niệm “con nuôi”, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“Con nuôi là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng kí”*. Cách giải thích này chưa đảm bảo tính khoa học và chưa rõ ràng. Khái niệm phải phân biệt được con nuôi và con đẻ, Do đó, có thể quy định: “con nuôi là người không có huyết thống trực hệ với cha mẹ nuôi, được cha mẹ nuôi nhận nuôi dưỡng theo trình tự, thủ tục luật định”. *Thứ hai,* khái niệm “cha mẹ nuôi” có thể giải thích theo hướng “cha mẹ nuôi là người không có huyết thống trực hệ với con nuôi, đã nhận đứa trẻ làm con nuôi theo trình tự, thủ tục luật định”. Theo quan niệm truyền thống, cha mẹ nuôi không thể sinh ra con nuôi nhưng do Việt Nam đã chấp nhận việc mang thai hộ và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã cho phép người mang thai hộ được ưu tiên nhận đứa trẻ do mình mang thai hộ sinh ra làm con nuôi nếu cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ chết (Điều 99 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), do đó vẫn có một ngoại lệ là con nuôi có thể do mẹ nuôi sinh ra.

**\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội**

**E-mail: nguyenlan@hlu.edu.vn**

Về khái niệm “gia đình gốc”, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“gia đình gốc là gia đình của những người có quan hệ huyết thống”*. Như vậy, tiêu chí xác định gia đình gốc là quan hệ huyết thống giữa các chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Tiêu chí này là phù hợp với giai đoạn trước, khi mà Viêt Nam chưa chính thức hoá việc sinh con bằng kĩ thuật hỗ trợ sinh sản với sự tham gia của người thứ ba – người cho trứng, cho tinh trùng, cho phôi. Tuy nhiên hiện nay khi vấn đề này đã được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể thì tiêu chí này chỉ đúng với những gia đình sinh con theo cách tự nhiên. Do đó, để bao quát hơn, khái niệm “gia đình gốc” cần giải thích theo hướng “gia đình gốc là nơi các cá nhân được sinh ra, giữa họ có hoặc không có quan hệ huyết thống”.

**2. Về các hành vi cấm**

Điều 13 Luật Nuôi con nuôi năm 2014 quy định các hành vi cấm liên quan đến việc nuôi con nuôi[[1]](#footnote-1). Mục đích của quy định này là để cho việc nuôi con nuôi đạt được đúng ý nghĩa, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi, đặc biệt là trẻ em. Tựu chung lại, hành vi cấm được chia thành ba nhóm, nhóm 1 nghiêm cấm các hành vi nhằm mục đích khác mà không phải mục đích nhằm gắn bó quan hệ giữa cha mẹ và con (bao gồm các khoản 1, 4, 5, 7); nhóm thứ hai nghiêm cấm các hành vi làm ảnh hưởng đến điều kiện nuôi con nuôi (khoản 2, 6); nhóm thứ ba nghiêm cấm hành vi làm ảnh hưởng đến lợi ích của người con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã hoàn tất (khoản 3). Việc quy định như vậy là tương đối hợp lí nhưng cần sửa đổi lại một số nội dung sau đây: Khoản 3 “phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi” không cần thiết phải để ở hành vi cấm vì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các con. Điều đó đã bao quát trường hợp không được có sự phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi. Hơn nữa, việc quy định các hành vi cấm chủ yếu là nhằm vào quá trình thực hiện việc nuôi con nuôi cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật để việc nuôi con nuôi được hợp pháp. Còn khi việc nuôi con nuôi đã hoàn tất thì quyền và nghĩa vụ giữa các bên giống như là quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đẻ và điều đó đã được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định chi tiết. Xét về chi tiết từng khoản trong điều luật này cho thấy cần phải sửa lại khoản 4 “Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số”. Cách quy định này là không cần thiết vì theo pháp luật dân số, người con đẻ cho đi làm con nuôi vẫn được tính trong số lượng con đẻ và vẫn phải tuân theo quy mô gia đình ít con. Ngược lại, trên thực tế sẽ có trường hợp một người “biến” con đẻ thành con nuôi để vi phạm pháp luật dân số. Do đó, khoản 4 Điều 13 cần sửa lại là “lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số”. Bên cạnh đó, khoản 5 Điều 13 cũng cần quy định tương tự là “Lợi dụng việc nuôi con nuôi để hưởng chính sách chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước” vì việc sử dụng cụm từ “việc làm con nuôi” chỉ có tính chất một chiều, chưa bao quát được toàn diện việc cho – nhận con nuôi. Mặt khác, việc chỉ rõ đối tượng chủ thể là “thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số” là chưa toàn diện.

Thêm vào đó, các hành vi cấm có thể bổ sung trường hợp như người nhận nuôi con nuôi đã từng là người giám hộ cho trẻ em đó và đã bị chấm dứt việc giám hộ do vi phạm quyền và nghĩa vụ của người giám hộ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người được giám hộ; người nhận nuôi con nuôi đã từng là cha mẹ nuôi của trẻ em đó và đã bị huỷ việc nuôi do vi phạm mục đích của việc nuôi hoặc bị chấm dứt việc nuôi con nuôi do vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người con nuôi.

**3. Về điều kiện nhận nuôi con nuôi**

Điều 8 và Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định điều kiện của người được nhận làm con và điều kiện của người nhận nuôi con nuôi. Những quy định này đã khoanh vùng phạm vi của người được nhận làm con nuôi và diện những người được nhận con nuôi. Đối với người được nhận làm con nuôi, về nguyên tắc, phải là trẻ em (trẻ em dưới 16 tuổi). Nếu đã là trẻ em thì không cần đưa ra độ tuổi là dưới 16 vì Luật Trẻ em năm 2016 đã quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi. Quy định về diện người được làm con nuôi ở độ tuổi như vậy là tương đối hợp lí. Bên cạnh đó, đối với trường hợp người nhận nuôi là bố dượng hoặc mẹ kế thì người được nhận làm con nuôi có thể từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Người nhận nuôi là bố dượng hoặc mẹ kế thì không cần phải đảm bảo điều kiện hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên. Việc quy định này được coi là nhằm hạn chế tối đa việc người được nhận làm con nuôi phải rời xa gia đình gốc, bởi lẽ thay vì trong mối quan hệ giữa con riêng với bố dượng, mẹ kế chỉ dừng lại ở một số quyền và nghĩa vụ nhất định đối với nhau khi sống chung thì khi họ thiết lập mối quan hệ giữa bố nuôi và con nuôi hoặc mẹ nuôi và con nuôi, giữa họ sẽ phát sinh tất cả các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con như là cha mẹ đẻ và con đẻ. Điều này sẽ đảm bảo hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ cha mẹ và con. Tuy nhiên, cách quy định như vậy sẽ dẫn đến một điểm không hợp lí như sau: Điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi trở lên, đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, khoảng cách về độ tuổi giữa bố dượng, mẹ kế với con riêng là không đáng kể, có thể tiệm cận đến cách nhau duy nhất 1 ngày. Thiết kế khoảng cách về độ tuổi giữa người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi quá gần sẽ khó thiết lập mối quan hệ giữa cha mẹ và con. Do đó, vẫn cần phải quy định khoảng cách về độ tuổi giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế khi xác lập quan hệ nuôi con nuôi. Khoảng cách đó ít nhất phải là 10 tuổi để dễ dàng thiết lập mối quan hệ giữa hai thế hệ.

Cũng liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi giữa bố dượng, mẹ kế và con riêng của chồng hoặc vợ cần làm rõ hơn trong trường hợp nào thì việc nuôi con nuôi được xác lập hợp pháp. Ở trường hợp này, vợ chồng không phải là bên nhận nuôi con nuôi mà lại ở hai bên chủ thể: một người là người nhận nuôi con nuôi, người còn lại là người cho con đi làm con nuôi. Đối với người đang là cha, mẹ mà muốn cho đứa con của mình đi làm con nuôi thì chồng hoặc vợ của họ có thể là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc cha nuôi, mẹ nuôi của đứa trẻ, sau khi chấm dứt hôn nhân bằng li hôn hoặc do một bên vợ, chồng chết họ đã tái hôn và họ muốn người chồng hoặc người vợ mới của mình nhận đứa con trong hôn nhân trước làm con nuôi. Trường hợp thứ nhất, nếu họ là cha đẻ hoặc mẹ đẻ thì họ hoàn toàn được thể hiện ý chí cho con đi làm con nuôi (có thể phải cùng có ý chí của người vợ hoặc người chồng cũ của họ và là cha đẻ hoặc mẹ đẻ của người con đó); trường hợp thứ hai, họ là cha đẻ, mẹ đẻ của đứa trẻ nhưng người vợ hoặc người chồng cũ của họ lại là mẹ nuôi hoặc cha nuôi hoặc mẹ nuôi của đứa trẻ (do trong hôn nhân trước đã từng xác lập quan hệ nuôi con nuôi giữa con riêng và cha dượng, mẹ kế) thì trường hợp này có thể đặt ra vấn đề nuôi con nuôi lần 2 ở hôn nhân sau hay không. Trường hợp thứ ba họ là cha nuôi, mẹ nuôi của đứa trẻ và người vợ, người chồng cũ của họ cũng là mẹ nuôi, cha nuôi của đứa trẻ, sau khi li hôn họ kết hôn và họ lại muốn cho con đi làm con nuôi của người chồng, người vợ mới của mình. Ở hai trường hợp sau, nếu việc nuôi con nuôi được chấp nhận thì vô hình chung pháp luật thừa nhận việc nuôi con nuôi lần hai, đứa con đang là con nuôi chung của cặp vợ chồng ở hôn nhân trước hoặc của một trong hai bên vợ, chồng trong hôn nhân trước. Đặt trong mối liên hệ với Điều 21 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì người thể hiện ý chí cho con đi làm con nuôi chỉ nhắc đến cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ mà không đề cập cha, mẹ nuôi lần một được phép cho con đi làm con nuôi lần hai. Đặt trong mối liên hệ với Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, nếu cho phép việc nuôi con nuôi lần hai thì Điều 25 lại không ghi nhận việc nuôi con nuôi con lần hai là căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi lần một. Do đó, nếu cho phép xác lập việc nuôi con nuôi lần hai thì dẫn đến hệ quả là một người có thể làm con nuôi của nhiều người, trong khi Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định một người chỉ có thể làm con nuôi của một người độc thân hoặc cả hai người là vợ chồng. Vì vậy, Luật Nuôi con nuôi cần xác định rõ trường hợp nào thì bố dượng, mẹ kế được nhận con riêng của chồng hoặc vợ làm con nuôi. Luật Nuôi con nuôi có thể quy định theo hướng: bố dượng hoặc mẹ kế được nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi nếu người con riêng này là con đẻ của vợ, chồng họ. Nếu con riêng của một bên vợ hoặc chồng là con nuôi của người đó thì bố dượng hoặc mẹ kế được nhận nuôi nếu người con đó đang là con nuôi của chỉ mình người vợ hoặc người chồng của họ. Trong trường hợp người con riêng là con đẻ của một bên vợ hoặc chồng nhưng lại là con nuôi của người chồng hoặc người vợ của quan hệ hôn nhân trước thì chỉ khi việc nuôi con nuôi có căn cứ chấm dứt theo quy định của pháp luật thì bố dượng hoặc mẹ kế (là chồng sau của mẹ đẻ đứa trẻ hoặc vợ sau của bố đẻ đứa trẻ) mới được nhận nó làm con nuôi. Vậy, pháp luật nuôi con nuôi cần bổ sung căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi là cha, mẹ đẻ và cha, mẹ nuôi thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi vì lợi ích của người con đó. Khi nghiên cứu vấn đề này, tác giả Nguyễn Phương Lan cũng có quan điểm nên cho phép nuôi con nuôi lần hai trong một số trường hợp nhất định và tác giả đã lí giải: *“Việc cho phép xác lập quan hệ nuôi con nuôi lần thứ hai trong những trường hợp này không gây mâu thuẫn, xáo trộn gì trong quan hệ cha mẹ và con đối với được nhận nuôi, mà ngược lại còn đảm bảo cho người con nuôi đưởng hưởng sự chăm sóc, yêu thương đầy đủ hơn của cả cha mẹ nuôi và tạo ra một gia đình trọn vẹn cho trẻ được nhận nuôi”*[[2]](#footnote-2). Tác giả cũng đồng ý với quan điểm này, việc cho phép nuôi con nuôi lần hai sẽ bảo đảm quyền và lợi ích của người con nuôi cũng như của cha mẹ nuôi. Cũng nghiên cứu về vấn đề này, tác giả Phạm Minh Trang cho rằng đã có đoạn viết: *“Một người đã được nhận nuôi không thể được một người khác nhận nuôi ngoại trừ người vợ/chồng mới của cha mẹ nuôi, hoặc nếu cha mẹ nuôi chết, hoặc việc nuôi con nuôi bị huỷ bỏ (Điều 1742 BLDS Đức)”*[[3]](#footnote-3). Như vậy, pháp luật của Đức cũng có quy định khá rõ về những trường hợp được nhận nuôi con nuôi lần hai, những trường hợp này là đảm bảo quyền lợi tối đa của người được nhận làm con nuôi.

Trong trường hợp cô, dì, chú, bác ruột nhận cháu ruột làm con nuôi thì cũng được hưởng các ngoại lệ như trường hợp bố dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi. Do đó, để thuận lợi cho cô, dì, chú, bác ruột nhận cháu ruột làm con nuôi, nếu cô, dì, chú, bác có hôn nhân thì người chồng hoặc vợ của họ cũng nên được hưởng ngoại lệ đó. Đây là vấn đề mà Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chưa có quy định cụ thể.

Khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng”*. Điều này thể hiện rõ quan điểm lập pháp là không chấp nhận một cặp nam nữ chung sống như vợ chồng với nhau hoặc một cặp đôi đồng tính chung sống với nhau được nhận con nuôi. Cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật Việt Nam vẫn chưa cho phép những cặp đôi đồng tính được đăng kí kết hôn, giữa họ không phải là vợ chồng trước pháp luật, do đó họ không thể nhận nuôi con nuôi chung. Pháp luật Việt Nam cần có lộ trình để thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính để họ có thể nhận nuôi con nuôi chung với tư cách là vợ chồng hoặc Luật Nuôi con nuôi cần sửa đổi theo hướng cho phép những cặp đôi chung sống như vợ chồng được phép nhận nuôi con nuôi chung và đưa ra cơ chế bảo đảm việc thực hiện việc nuôi con nuôi đó cho dù họ có chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng. Xét ở khía cạnh tích cực thì có thể khi có con chung, họ sẽ gắn kết quan hệ giữa họ với nhau vì đứa trẻ luôn là cầu nối giữa bố mẹ. Điều này sẽ giải quyết được việc tìm gia đình thay thế cho rất nhiều trẻ em đang ở các cơ sở nuôi dưỡng, chia sẻ được khó khăn với xã hội cũng như thoả mãn nhu cầu làm cha mẹ của họ, mang lại mái ấm, môi trường giáo dục tốt cho trẻ em. Như khoản 4 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi quy định: *“Nhà nước khuyến khích việc nhận trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em* *có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi”*. Về điều kiện đối với người nhận con nuôi, Luật Nuôi con nuôi quy định về khoảng cách độ tuổi là hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên. Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật, Luật Hôn nhân và gia đình nên hạ tuổi kết hôn của nam xuống bằng với nữ là đủ 18 tuổi - tuổi đã thành niên - có đủ năng lực hành vi dân sự là phù hợp. Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 cũng sửa quy định là người nuôi chỉ cần hơn con nuôi từ đủ 18 tuổi trở lên. Điều này đảm bảo quyền làm cha mẹ, dù là cha mẹ đẻ hay là cha mẹ nuôi, dù là cha hay là mẹ là như nhau. Đây cũng là nội dung thể hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật. Thêm vào đó, khoản 2 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi cần bổ sung một trường hợp không được nhận con nuôi, đó là trường hợp người đó đã từng vi phạm một trong các hành vi cấm tại Điều 13 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Điều 21 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định về sự đồng ý cho làm con nuôi có đề cập sự đồng ý của người giám hộ nến như cha mẹ bị mất năng lực hành vi dân sự. Điều 47, Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định người giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, đối với người chưa thành niên trong trường hợp cha mẹ đều có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thì cũng cần có người giám hộ. Do đó, về sự đồng ý cho con đi làm con nuôi cần mở rộng cho cả trường hợp này để đứa trẻ có thể được nhận làm con nuôi. Tuy nhiên, tại thời điểm cho đứa trẻ đi làm con nuôi mà cha mẹ có khó khăn trong việc nhận thức và làm chủ hành vi nhưng vẫn có năng lực thể hiện ý chí của mình thì phải có sự đồng ý của họ, tương tự như họ được thể hiện ý chí chọn người giám hộ cho mình theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 2 điều 46 Bộ luật dân sự 2015) .Bên cạnh đó, pháp luật về nuôi con nuôi cần có ngoại lệ cho trường hợp bố, mẹ đẻ trốn tránh nghĩa vụ nuôi con, không có liên lạc với gia đình nhưng chưa được xác định là mất tích hoặc đã chết mà đứa con có người nhận nuôi thì cần đưa ra một khoảng thời gian nào đó (có thể là 6 tháng), kể từ khi thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng mà người cha, người mẹ đó không có tin tức gì thì đứa trẻ sẽ được cho đi làm con nuôi sau khi lấy ý kiến của những người thân thích theo thứ tự ưu tiên.

Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã hạ thấp tuổi trẻ em được hỏi ý kiến, xem xét nguyện vọng của trẻ em trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em – độ tuổi hạ từ đủ 9 tuổi xuống còn từ đủ 7 tuổi. Vậy Luật Nuôi con nuôi cũng cần sửa đổi lại độ tuổi mà trẻ em được thể hiện ý chí của mình trong việc làm con nuôi người khác theo hướng thống nhất với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là từ đủ 7 tuổi. Độ tuổi này là phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, khoản 4 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“Cha mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày”*. Đây là quy định thể hiện tính nhân văn, với mục đích hạn chế tối đa việc trẻ em bị tách khỏi gia đình gốc. Một khoảng thời gian ngắn để cha mẹ, đặc biệt là người mẹ - người đã mang nặng đẻ đau – suy nghĩ và cân nhắc thêm về việc có nên cho con đi làm con nuôi người khác không. Tuy nhiên, cần tăng thêm thời gian từ 15 ngày lên 1 tháng, điều này xuất phát từ phong tục tập quán về làm lễ đầy tháng cho đứa trẻ và điều đó cũng giúp cho người mẹ có thêm thời gian gần gũi con, họ có thể sẽ thay đổi quyết định không cho đứa trẻ đi làm con nuôi nữa. Đảm bảo cho đứa trẻ sống trong gia đình gốc, đảm bảo quyền được biết nguồn gốc của mình, bởi việc tìm gia đình thay thế chỉ là giải pháp cuối cùng.

**4. Về hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi**

Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định về hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi, theo đó có thể xem xét các nội dung như quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; quan hệ giữa người con đã đi làm con nuôi với gia đình gốc; quan hệ giữa người con nuôi với những người thân thích của cha mẹ nuôi.

Đối với quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sẽ có quyền và nghĩa vụ như cha mẹ đẻ và con đẻ. Tuy nhiên, vẫn còn vấn đề gây tranh cãi là việc hạn chế quyền đối với con chưa thành niên có áp dụng cho cha mẹ nuôi khi có căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hay không hay áp dụng quy định về chấm dứt việc nuôi con nuôi?. Theo luật thực định, căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi (Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010)[[4]](#footnote-4) và căn cứ hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên là không đồng nhất (Điều 85 Luật Nuôi con nuôi năm 2010)[[5]](#footnote-5). Những căn cứ hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên bao gồm các lỗi của cha mẹ nuôi rộng hơn so với căn cứ chấm dứt nuôi con nuôi với lỗi của cha mẹ nuôi. Do đó, việc áp dụng hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên là cần thiết khi cha mẹ nuôi có hành vi không thuộc căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi hoặc có thể có hành vi của cha mẹ nuôi trùng với căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi nhưng nếu việc sử dụng quy định hạn chế quyền của cha mẹ tốt hơn cho con nuôi như cha mẹ vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nuôi, con nuôi không có gia đình gốc để trở về. Vì vậy, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hoặc Luật Nuôi con nuôi năm 2010 cần làm rõ vấn đề này để bảo vệ lợi ích cho người con nuôi chưa thành niên.

Đối với quan hệ giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi, hiện nay Luật Nuôi con nuôi quy định không rõ ràng. Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“… giữa con nuôi và các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan”*. Việc quy định này có tính chất chỉ dẫn đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Bộ luật Dân sự năm 2005 vì thời điểm Luật Nuôi con nuôi được ban hành thì hai văn bản pháp luật trên đang có hiệu lực. Tuy nhiên, dù là dùng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Bộ luật Dân sự năm 2005 hay dùng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các văn bản này không có gì khác khi quy định về quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên gia đình với nhau, không có bất cứ quy định nào quy định đặc thù cho mối quan hệ giữa con nuôi với các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi. Do đó, dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Cách hiểu thứ nhất cho rằng giữa con nuôi và các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi sẽ phát sinh tất cả các quyền và nghĩa vụ như là con đẻ với các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ đẻ, như quan hệ với con đẻ của cha mẹ nuôi, với con nuôi khác của cha mẹ nuôi; quan hệ với bố mẹ của cha mẹ nuôi trong quan hệ giữa ông bà và cháu, quan hệ với anh chị em của bố mẹ nuôi trong quan hệ giữa cháu với cô, dì, chú, bác. Điều đó có thể suy đoán về các hành vi cấm kết hôn giữa con đẻ và con nuôi, con nuôi và con nuôi của cha mẹ nuôi hay giữa bố mẹ của cha mẹ nuôi với con nuôi…, trong khi các điều kiện kết hôn không có quy định đặc thù cho vấn đề này. Cách hiểu thứ hai cho rằng, nếu Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự không có quy định cụ thể cho trường hợp này thì không thể suy đoán theo như cách hiểu thứ nhất. Tức là, con nuôi không phát sinh các quyền và nghĩa vụ như con đẻ với các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi. Việc nuôi con nuôi chỉ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa con nuôi và cha mẹ nuôi trong quan hệ giữa cha mẹ và con thôi mà không kéo theo các hệ quả gì. Rõ ràng, việc nuôi con nuôi là thể hiện ý chí của người muốn nhận nuôi con nuôi nên chỉ họ mới gánh chịu hệ quả từ việc tự nguyện nhận con nuôi đó. Những người thân thích của họ như cha mẹ họ, những người con khác của họ không đương nhiên gánh chịu hệ quả từ việc nuôi con nuôi của họ mang lại. Giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi nếu sống chung thì coi như là thành viên trong gia đình cha mẹ nuôi và có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà không phát sinh các quyền và nghĩa vụ như một người con đẻ với những người thân thích của họ. Do đó, giữa họ không bị ràng buộc điều kiện cấm kết hôn, không phát sinh quan hệ cấp dưỡng, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không phát sinh quan hệ thừa kế theo quy định của pháp luật thừa kế. Tuy nhiên, pháp luật về điều kiện kết hôn cần bổ sung hành vi cấm kết hôn giữa con nuôi với những người có dòng máu trực hệ, có quan hệ họ hàng trong phạm vi ba đời của cha mẹ nuôi. Điều này đảm bảo phong tục tập quán, tôn ti trật tự trong gia đình Viêt Nam, phù hợp với đạo đức xã hội. Do đó, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần quy định rõ về vấn đề này. Trong mối liên hệ với pháp luật của Vương quốc Anh, tác giả Đặng Thị Hồng Tuyến có viết: *“Điểm b khoản 1 Điều 68 Luật Trẻ em và Nuôi con nuôi quy định: “bất kì mối quan hệ họ hàng ở mức độ nào trong quan hệ nuôi con nuôi được hiểu là người thân ở mức độ đó”. Tức là, ông, bà, bác, chú, cô, dì, anh, chị, em... của đứa trẻ là con đẻ của người nhận nuôi thì cũng sẽ là ông nuôi, bà nuôi, bác nuôi, chú nuôi, cô nuôi, dì nuôi, anh nuôi, chị nuôi, em nuôi... của đứa trẻ được nhận nuôi”*[[6]](#footnote-6). Như vậy, pháp luật của nước này đã ghi nhận rất rõ ràng về mối quan hệ giữa người con nuôi với các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi. Pháp luật về nuôi con nuôi của Việt Nam cũng cần phải có những quy định rõ ràng như vậy.

Đối với quan hệ giữa người con đi làm con nuôi với gia đình gốc thì khoản 4 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: *“Trừ trường hợp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có thỏa thuận khác, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ* *chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lí, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi”*, bên cạnh đó pháp luật dân sự cũng quy định việc người con đã đi làm con nuôi người khác vẫn được xác định dân tộc theo cha mẹ đẻ, vẫn được thừa kế tài sản từ gia đình gốc. Như vậy, ngay cả khi không có thoả thuận gì giữa cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ thì người con nuôi vẫn được hưởng một số quyền từ gia đình gốc. Tuy nhiên, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 không đề cập chiều ngược lại về quyền và nghĩa vụ của con nuôi đối với các thành viên trong gia đình gốc như cha mẹ đẻ có được thừa kế tài sản của con đã cho đi làm con nuôi không, con nuôi có phải cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ đẻ hay không, khi trong những trường hợp nhất định thì cha mẹ đẻ vẫn có những quyền và nghĩa vụ đó đối với con nuôi. Do đó, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 cần quy định cụ thể hệ quả pháp lí về vấn đề này hơn nữa theo hướng xác định việc chấm dứt toàn diện quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đã đi làm con nuôi hoặc nếu quy định còn quyền và nghĩa vụ thì phải xác định tính hai chiều của quan hệ đó chứ không chỉ tập trung bảo vệ lợi ích của người con đã đi làm con nuôi người khác. Về vấn đề này, tác giả Đặng Thị Hồng Tuyến khi nghiên cứu pháp luật của Vương Quốc Anh đã viết: *“Khi đứa trẻ được nhận nuôi, trách nhiệm của cha mẹ đẻ đối với đứa trẻ chấm dứt. Cha mẹ đẻ thường sẽ không liên lạc với đứa trẻ được nhận nuôi, trừ trường hợp đặc điểm riêng của đứa trẻ mà cha mẹ nuôi vẫn giữ liên lạc với chúng. Việc liên lạc được thực hiện bằng việc gửi thư, hình ảnh thông qua sự sắp xếp của cơ quan con nuôi. Theo quy tắc Intestacy, nó cũng tuyên bố rằng nếu một đứa trẻ mồ côi* *sau cái chết của cha mẹ ruột của chúng, đứa trẻ đó vẫn có quyền thừa kế từ cha mẹ chúng. Tuy nhiên, nếu đứa trẻ được nhận nuôi và sau đó cha mẹ chúng đã qua đời, chúng sẽ không được hưởng bất kì quyền thừa kế nào đối với di sản cha mẹ ruột của chúng. Như vậy, việc được người khác nhận làm con nuôi làm mất đi quyền được thừa kế theo pháp luật từ cha mẹ ruột của đứa trẻ”*[[7]](#footnote-7). Vì vậy, cần thiết phải thừa nhận việc nuôi con nuôi theo hướng xác định rõ ràng trách nhiệm của các chủ thể để họ toàn tâm toàn ý với việc chăm sóc đứa trẻ mà không ỷ lại cho người khác, không tạo cơ hội để họ trốn tránh nghĩa vụ. Pháp luật của nước Cộng hoà Pháp có quy định hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn, tức là chấm dứt toàn diện quyền và nghĩa vụ của người con đi làm con nuôi với gia đình gốc. Do đó, pháp luật nước này có đặt ra một thời gian “sống thử” của đứa trẻ ở gia đình cha mẹ nuôi để xác định môi trường sống có thích hợp với đứa trẻ không, sự hoà đồng giữa đứa trẻ với cha mẹ nuôi trong tương lai. Về vấn đề này, tác giả Bùi Minh Hồng có viết: *“Đối với trường hợp nuôi con nuôi trọn vẹn, Luật của Pháp có một quy định độc đáo, đó là đưa trẻ em đến sống tại gia đình của người nhận con nuôi trong một thời hạn nhất định trước khi có quyết định chính thức của toà án về việc nuôi con nuôi (placement en vue de l’adoption plénière). Mục đích của việc làm này là chuẩn bị tốt cho việc nuôi con nuôi và ngăn cản việc người nhận nuôi có thể có đề nghị trả lại trẻ em trong khi đã tiếp nhận* trẻ *em. Một khi người nhận con nuôi đã đồng ý tiếp nhận trẻ em đến sống tại gia đình nhằm hướng tới xác lập quan hệ nuôi con nuôi thì việc giao trẻ em cho cha mẹ nuôi tương lai có tính chất là việc giao nhận con nuôi cho cha mẹ nuôi. Đây được coi như giai đoạn “tiền nuôi con nuôi”*[[8]](#footnote-8). Điều này là cần thiết vì hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn sẽ dẫn đến hệ quả pháp lí là quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi tồn tại vĩnh viễn. Cũng nghiên cứu pháp luật Pháp, tác giả Bế Hoài Anh có kiến nghị: *“Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, pháp luật nuôi con nuôi Việt Nam dường như đề cập đến hình thức nuôi con nuôi đầy đủ nhưng vẫn cho phép cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ được thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con nuôi… Mặt khác, quan hệ giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi cũng được quy định không rõ ràng, gây nên nhiều cách hiểu khác nhau. Sự không rõ ràng này không hoàn toàn phù hợp với ý chí, mong muốn của các bên chủ thể. Do đó, từ những tìm hiểu về hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuôi theo pháp luật Pháp, theo tác giả, để hoàn thiện pháp luật Việt Nam cần quy định rõ hai hình thức nuôi con nuôi là nuôi con nuôi đầy đủ và nuôi con nuôi đơn giản”*[[9]](#footnote-9).

Đối với quan hệ nuôi con nuôi được xác lập giữa bố dượng hoặc mẹ kế với con riêng của chồng thì việc xác định hệ quả pháp lí cũng có nhiều những khó khăn vướng mắc như sau: Trong quan hệ giữa người con đi làm con nuôi với cha mẹ đẻ sẽ xác định như thế nào khi một người hiện đang là vợ hoặc chồng của bố nuôi, hoặc mẹ nuôi. Theo như các trường hợp bố dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi đã phân tích ở phần trên thì bố dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng là con đẻ của vợ hoặc chồng mình làm con nuôi thì sẽ không chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa cha con hoặc mẹ con của người con đó với người cha đẻ hoặc mẹ đẻ (là người đang thực hiện việc nuôi dưỡng) mà chỉ có thể chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con với người cha đẻ hoặc mẹ đẻ còn lại đang không trực tiếp nuôi dưỡng người con đó theo quy định tại điều 24 Luật Nuôi con nuôi 2010. Trong hai trường hợp còn lại, bố dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi không chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con giữa đứa trẻ với người cha hoặc mẹ (đang là người thực hiện việc nuôi dưỡng), tuy nhiên mối quan hệ giữa đứa trẻ đối với người cha hoặc người mẹ với tư cách là mẹ nuôi hoặc cha nuôi lần thứ nhất của người con đó thì giải quyết như thế nào? Có thể có thỏa thuận giữa cha hoặc mẹ nuôi lần một với cha hoặc mẹ nuôi lần hai không? Trong khi Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chỉ quy định về sự thỏa thuận giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đẻ đối với đứa con được đi làm con nuôi của người khác (Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010) mà không có quy định sự thỏa thuận giữa cha nuôi hoặc mẹ nuôi lần thứ nhất với cha nuôi hoặc mẹ nuôi lần thứ hai. Do đó, theo Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì không thể đặt ra việc nuôi con nuôi này được.

Thêm và đó, như đã phân tích, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 cần sửa đổi theo hướng cho phép một người đang là mẹ nuôi hoặc bố nuôi của một người, khi họ kết hôn thì chồng hoặc vợ của họ có thể nhận đứa con đó làm con nuôi. Điều này nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của đứa con trong môi trường gia đình có cả bố mẹ nuôi. Hoặc trong trường hợp cha hoặc mẹ đẻ của đứa trẻ là bố đơn thân hoặc mẹ đơn thân và sau đó kết hôn thì chồng hoặc vợ của họ nhận đứa trẻ làm con nuôi, rồi sau đó họ lại li hôn và bố đẻ hoặc mẹ đẻ lại kết hôn lần hai, tiếp theo người chồng hoặc người vợ mới của họ muốn nhận đứa trẻ làm con nuôi thì chỉ được phép khi có việc chấm dứt việc nuôi con nuôi lần một và như vậy việc xác định hệ quả pháp lí giữa họ sẽ dễ dàng hơn.

Một vấn đề nữa cần đặt ra là sau khi đã xác lập việc nuôi con nuôi giữa bố dượng hoặc mẹ kế với con riêng của một bên vợ hoặc chồng thì bố mẹ lại li hôn. Vậy việc giao con cho ai nuôi sẽ căn cứ vào cơ sở pháp lí nào? Có ý kiến cho rằng, đứa con này được coi là con chung và dựa vào lợi ích về mọi mặt của con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Ý kiến khác lại cho rằng, khi cha mẹ đẻ đã đồng ý cho con đẻ của mình đi làm con nuôi người khác, họ đã phải nhận thức được rằng sẽ có sự chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với đứa con đó từ cha mẹ đẻ sang cha mẹ nuôi. Nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thoả thuận gì thì sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và đứa con đi làm con nuôi người khác. Rõ ràng, trong trường hợp này, không thể xác định đứa con đó là con chung của vợ chồng khi họ ở hai bên chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi, đó là cha mẹ đẻ - cha mẹ nuôi. Khi việc nuôi con nuôi được xác lập và hoàn tất các thủ tục thì bản thân cha mẹ đẻ đã phải hiểu rõ những hệ quả pháp lí mà mình phải gánh chịu từ việc cho con đi làm con nuôi. Do đó, trong trường hợp này cần giao con cho bên vợ, chồng là cha nuôi hoặc mẹ nuôi hoặc giữa vợ chồng phải có thoả thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi để đứa trẻ được trở về gia đình gốc, tức là sống chung với cha đẻ hoặc mẹ đẻ của họ.

Trong quan hệ kết hôn trái pháp luật, nếu việc nhận nuôi con nuôi đã được xác lập trước khi việc kết hôn trái pháp luật đó bị huỷ thì sau đó, quan hệ nuôi con nuôi vẫn cần được công nhận vì lợi ích của đứa trẻ cho dù việc kết hôn trái pháp luật đó bị huỷ (Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Người con nuôi đó vẫn được xác định là con chung của hai bên nam nữ kết hôn trái pháp luật và việc giao con cho ai nuôi vẫn căn cứ vào các quy định về giải quyết quan hệ giữa cha mẹ và con khi cha mẹ bị huỷ việc kết hôn trái pháp luật (Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

**5. Về chấm dứt việc nuôi con nuôi**

Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định các căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi bao gồm cha mẹ nuôi có hành vi vi phạm quyền và lợi ích của con nuôi, khi con nuôi có hành vi vi phạm quyền và lợi ích của cha mẹ nuôi, khi con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi[[10]](#footnote-10). Ngoài ra, căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi còn là sự vi phạm các hành vi cấm theo quy định tại Điều 13 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 bao gồm các hành vi nuôi con nuôi nhằm các mục đích khác mà không phải vì muốn gắn bó tình cảm, xác lập quan hệ giữa cha mẹ và con, vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, vi phạm yếu tố chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi liên quan người có quan hệ họ hàng nhất định[[11]](#footnote-11). Nếu quy định căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi như vậy là không hợp lí vì việc vi phạm mục đích, điều kiện nuôi con nuôi khác với việc trong quá trình nuôi con nuôi họ vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con. Do đó, pháp luật nuôi con nuôi cần sửa đổi căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi, đồng thời bổ sung căn cứ huỷ việc nuôi con nuôi, theo hướng: Nếu khi xem xét việc nuôi con nuôi mà các bên chủ thể vi phạm mục đích, điều kiện việc nuôi con nuôi thì cần phải huỷ việc nuôi con nuôi, coi như chưa từng tồn tại quan hệ nuôi con nuôi. Nếu trong quá trình nuôi con nuôi mà cha mẹ nuôi hoặc con nuôi có các hành vi như Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định thì đó là căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi. Trên thực tế, có những vụ việc cần thiết phải huỷ bỏ quyết định nuôi con nuôi do vi phạm nghiêm trọng điều kiện về độ tuổi, về chủ thể được nhận nuôi con nuôi nhưng trong Luật Nuôi con nuôi năm 2010 lại không có căn cứ và xác định chủ thể có quyền yêu cầu huỷ bỏ việc nuôi cũng như chủ thể có quyền xử lí huỷ việc nuôi con nuôi. Vì vậy, việc giải quyết vụ việc sẽ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhất định, có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được nhận nuôi hoặc người nhận con nuôi. Khi nghiên cứu về vấn đề này, trước đây, tác giả Vũ Văn Mẫu gọi việc nuôi con nuôi là sự nghĩa dưỡng, tác giả đã nghiên cứu và có phân biệt “sự truất bãi nghĩa dưỡng” và sự “tiêu huỷ nghĩa dưỡng”, ông đã viết: *“Về hiệu lực, sự truất bãi không có hiệu* *lực hồi tố và không xoá những hiệu lực của nghĩa dưỡng trong quá khứ. Trái lại, khi toà án tuyên bố một sự nghĩa dưỡng bị tiêu huỷ, sự nghĩa dưỡng không thể có một hiệu lực gì, kể cả trong quá khứ và tương lai”*[[12]](#footnote-12). Bên cạnh đó, ông cũng bình luận và đánh giá vấn đề này trong Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 như sau: *“Ít nhất là làm luật 1972 cũng phải dự liệu minh thị như vậy, vì các duyên cớ tiêu huỷ và duyên cớ bãi bỏ nghĩa dưỡng không giống nhau và kĩ thuật pháp lí không cho phép ta đồng nhất hai vấn đề này, cũng như không thể cho phép ta đồng hoá các duyên cớ tiêu huỷ giá thú với các duyên cớ li hôn”*[[13]](#footnote-13). Như vậy, tác giả đã có sự phân biệt về căn cứ huỷ việc nuôi con nuôi và căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi cũng như xác định sự khác nhau về hệ quả của huỷ việc nuôi con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuội. Luật Nuôi con nuôi cần phải sửa đổi, bổ sung về vấn đề này.

Tóm lại, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 sau hơn mười năm thi hành cũng đã bộc lộ những vướng mắc và bất cập nhất định. Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bế Hoài Anh (2019), “Hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuôi theo pháp luật Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo:* *“Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”,* Trường Đại học Luật Hà Nội.

2. Bùi Minh Hồng (2019), “Thủ tục nuôi con nuôi theo pháp luật Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo: “Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”,* Trường Đại học Luật Hà Nội.

3. Đặng Thị Hồng Tuyến (2019), “Thủ tục và hậu quả pháp lí của nuôi con nuôi theo pháp luật Anh và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo: “Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”,* Trường Đại học Luật Hà Nội.

4. Nguyễn Phương Lan (2019), “Điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật nước Cộng hoà Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo: “Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”,* Trường Đại học Luật Hà Nội.

5. Phạm Minh Trang (2019), “Điều kiện và thủ tục nuôi con nuôi theo pháp luật Cộng hoà Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo: “Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”*, Trường Đại học Luật Hà Nội.

6. Vũ Văn Mẫu (1973), *Việt Nam dân luật lược giảng,* quyền 1, tập 1, Sài Gòn.

1. Điều 13 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định các hành vi bị cấm sau:1. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em. 2. Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi. 3. Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi. 4. Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số. 5. Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước. 6. Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi. 7. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc”. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nguyễn Phương Lan (2019), “Điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật nước Cộng hoà Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, Kỉ yếu hội thảo: *Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam,* Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 31. [↑](#footnote-ref-2)
3. Phạm Minh Trang (2019), “Điều kiện và thủ tục nuôi con nuôi theo pháp luật Cộng hoà Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, Kỉ yếu hội thảo: *Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 55. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 25 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi khi lỗi thuộc về cha mẹ nuôi như sau: Cha mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi hoặc vi phạm các quy định tại Điều 13 Luật Nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây: a) Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; b) Phá tán tài sản của con; c) Có lối sống đồi trụy; d) Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội”.* [↑](#footnote-ref-5)
6. Đặng Thị Hồng Tuyến (2019), “Thủ tục và hậu quả pháp lí của nuôi con nuôi theo pháp luật Anh và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo:* *Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam,* Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 48. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đặng Thị Hồng Tuyến, tlđd, tr. 49. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bùi Minh Hồng (2019), “Thủ tục nuôi con nuôi theo pháp luật Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, bài viết trong kỉ yếu hội thảo: *“Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam”,* Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 68. [↑](#footnote-ref-8)
9. Bế Hoài Anh (2019), “Hệ quả pháp lí của việc nuôi con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuôi theo pháp luật Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỉ yếu hội thảo: Nuôi con nuôi theo pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam,* Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 81. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 25 Luật Nuôi con nuôi con Việt Nam năm 2010. [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 13 Luật Nuôi con nuôi con Việt Nam năm 2010 quy định: *“Lợi dụng việc nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục, bắt cóc, mua bán trẻ em; giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi; phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi; lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số; lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước; ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị em nhận nhau làm con nuôi; lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc”.* [↑](#footnote-ref-11)
12. Vũ Văn Mẫu (1973), *Việt Nam dân luật lược giảng,* quyền 1, tập 1, Sài Gòn, tr. 197. [↑](#footnote-ref-12)
13. Vũ Văn Mẫu, sđd, tr. 198. [↑](#footnote-ref-13)